

Số: 245/HD-BDT

Thanh Hoá, ngày 21 tháng 7 năm 2015

HƯỚNG DẪN

Một số nội dung thực hiện Quyết định 2476/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ đất sản xuất, nước sinh hoạt phân tán, mua sắm máy móc nông cụ cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định 755/QĐ-TTg, năm 2015.

Căn cứ Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn (ĐBKK);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-UBND-BTC-BTNMT ngày 18/11/2013 của: Ủy ban Dân tộc - Bộ Tài Chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản ĐBKK;

Căn cứ Quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt định mức đất ở, đất sản xuất cho vùng đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản ĐBKK;

Căn cứ Quyết định số 1922/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản ĐBKK trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2014 - 2015;

Căn cứ Hướng dẫn số 337/HDLN-BDT-STC-STNMT ngày 03/9/2014 thực hiện Quyết định số 1922/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản ĐBKK trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ đất sản xuất, nước sinh hoạt phân tán, mua sắm máy móc nông cụ cho hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản ĐBKK theo Quyết định số 755/QĐ-TTg, năm 2015.

Ban Dân tộc tỉnh (Cơ quan Thường trực Chính sách) Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định 2476/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ đất sản xuất, nước sinh hoạt phân tán, mua sắm máy móc nông cụ cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định 755/QĐ-TTg, năm 2015, như sau:

1. Đối tượng áp dụng thực hiện chính sách.

Hộ đồng bào DTTS nghèo (kể cả vợ hoặc chồng là người DTTS) và hộ nghèo ở xã, thôn, bản ĐBK theo tiêu chí hộ nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015, có trong danh sách hộ nghèo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt năm 2014; sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp, chưa có hoặc chưa đủ đất ở, đất sản xuất theo hạn mức đất bình quân chung do UBND tỉnh quy định, có khó khăn về nước sinh hoạt, chưa được hưởng các chính sách của Nhà nước về hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

2. Chính sách hỗ trợ.

2.1. Chính sách hỗ trợ đất sản xuất:

a) Đối tượng áp dụng:

Hộ chưa có đất sản xuất hoặc đã có đất sản xuất nhưng chưa đủ hạn mức quy định tối thiểu theo Quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt định mức đất ở, đất sản xuất cho vùng đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn (hạn mức cụ thể cho 1 hộ là 0,25 ha đất ruộng lúa nước 1 vụ hoặc 0,15 ha đất ruộng lúa nước 2 vụ hoặc 0,5 ha đất nương, rẫy). (Có bản phê duyệt Quyết định 1362/QĐ-UBND kèm theo).

b) Định mức hỗ trợ:

Mức hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và vốn vay từ Ngân hàng Chính sách - Xã hội (CSXH) cho mỗi hộ chưa có đất sản xuất tối đa 30 triệu đồng/hộ. Trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 15 triệu đồng/hộ và được vay tín dụng tối đa không quá 15 triệu đồng/hộ, thời gian vay 5 năm với mức lãi suất bằng 0,1%/tháng tương đương 1,2%/năm.

c) Hình thức hỗ trợ:

UBND cấp huyện căn cứ vào quỹ đất, tình hình thực tế của địa phương để thực hiện hỗ trợ đất cho các hộ được hưởng chính sách theo điểm a, b, c khoản 4, Điều 4 Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-UBND-BTC-BTNMT ngày 18/11/2013 của: Ủy ban Dân tộc - Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường.

d) Thực hiện hỗ trợ:

*** Trường hợp đối với hộ thiếu 100% đất sản xuất; cách tính như sau:**

- Nếu tổng diện tích đất được giao đủ hoặc nhiều hơn theo hạn mức 1 trong 3 loại đất quy định tại Quyết định 1362/QĐ-UBND ngày 09/5/2014, **thì mức hỗ trợ tối đa là 15 triệu đồng/hộ;**

- Nếu diện tích đất được giao thấp hơn hạn mức của tỉnh tại Quyết định 1362/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 thì:

⇒ **Số tiền hỗ trợ (T) = Số tiền tương ứng diện tích các loại đất được giao.**

Quy ước: Diện tích lúa 1 vụ (DT1V); diện tích lúa 02 vụ (DT2V); diện tích đất nương rẫy (DTNR).

$$T = \frac{DT1V * 15 \text{ Tr.đ}}{0,25 \text{ ha}} + \frac{DT2V * 15 \text{ Tr.đ}}{0,15 \text{ ha}} + \frac{DTNR * 15 \text{ Tr.đ}}{0,5 \text{ ha}}$$

Lưu ý: $T > 15$ triệu đồng thì áp dụng mức hỗ trợ tối đa là 15 triệu đồng/hộ;

$T < 15$ triệu thì số tiền hỗ trợ tương ứng với các loại đất giao.

* Trường hợp đối với những hộ có đất sản xuất nhưng chưa đủ so với hạn mức của tỉnh theo Quyết định 1362/QĐ-UBND, thì cách tính như sau:

⇒ **Số tiền hỗ trợ (T) = Tiền đất hiện có + Tiền đất giao**

Số tiền tương ứng diện tích đất hiện có và đất được giao, tính theo công thức sau:

$$T = \frac{DT1V * 15 \text{ Tr.đ}}{0,25 \text{ ha}} + \frac{DT2V * 15 \text{ Tr.đ}}{0,15 \text{ ha}} + \frac{DTNR * 15 \text{ Tr.đ}}{0,5 \text{ ha}}$$

+ Nếu $T > 15$ triệu đồng thì số tiền hỗ trợ là:

Tiền hỗ trợ = 15 tr.đ - Số tiền tương ứng với đất hiện có

+ Nếu $T < 15$ triệu đồng thì số tiền hỗ trợ là:

Tiền hỗ trợ = Số tiền tương ứng với đất giao

2.2. Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán, mua máy móc, nông cụ:

a) Định mức hỗ trợ:

- Nước sinh hoạt phân tán: Định mức trợ là 1,3 triệu đồng/hộ tại khoản 3, điều 3 của Quyết định 755/QĐ-TTg để thực hiện xây dựng bể nước, bồn chứa, đào giếng, mua ống dẫn nước (hoặc mua lu, stec đựng nước) để tạo nguồn nước sinh hoạt.

- Mua máy móc, nông cụ: Đối với những hộ thiếu đất sản xuất nhưng địa phương không còn quỹ đất để hỗ trợ thì được Nhà nước hỗ trợ 5 triệu đồng/hộ và được vay Ngân hàng Chính sách xã hội 15 triệu đồng/hộ quy định tại điểm b,

khoản 1, điều 3 tại Quyết định số 755/QĐ-TTg để thực hiện mua máy tuốt lúa, máy nén phân, máy xay xát, máy cày, bừa máy bơm nước phục vụ cho sản xuất, máy chế biến nông sản, máy phát cỏ...

b) Thực hiện hỗ trợ:

Do nguồn kinh phí cấp năm 2015 không đáp ứng đủ tổng số hộ có nhu cầu hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và mua máy móc, nông cụ đã đăng ký, Chủ tịch UBND huyện căn cứ nguồn kinh phí được phân bổ tại Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh, chỉ đạo UBND các xã tổ chức rà soát thứ tự ưu tiên những hộ có khó khăn cấp thiết về nước sinh hoạt và những hộ có nhu cầu cần thiết mua máy móc, nông cụ để thực hiện hỗ trợ trong năm 2015.

3. Tổ chức thực hiện.

3.1. UBND cấp huyện:

a) Chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Chính sách trên địa bàn.

- Giao Phòng Dân tộc chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan xây dựng Kế hoạch phân bổ vốn gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp. Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét, tham mưu trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt kế hoạch vốn cho các xã thực hiện.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát kiểm tra việc tổ chức thực hiện ở cấp xã đảm bảo đúng đối tượng, dân chủ, công khai và đảm bảo đúng tiến độ thực hiện Chính sách; kịp thời phát hiện và giải quyết các vấn đề vướng mắc ở cơ sở.

- Đảm bảo quỹ đất để bố trí đất sản xuất theo số liệu UBND huyện đăng ký thực hiện.

b) Việc thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định tại điều 11 của Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-UBND-BTC-NTNMT ngày 18/11/2013 về thực hiện một số điều của Quyết định 755/QĐ-TTg.

c) Tổng hợp, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện về Ban Dân tộc tỉnh (Cơ quan Thường trực Chính sách) trước ngày 05 tháng 12 năm 2015.

3.2. UBND cấp xã:

- Chỉ đạo thôn, bản tổ chức bình xét và tổng hợp trình phê duyệt theo thứ tự ưu tiên (hỗ trợ trước cho hộ gia đình chính sách, người có công, người thiếu đất sản xuất nhiều) đảm bảo công khai, dân chủ, có sự tham gia rộng rãi của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị; hộ đăng ký thực hiện và hưởng lợi chính sách phải có cam kết thực hiện đúng nội dung đăng ký, trường hợp không thực hiện được phải báo cáo thôn, bản để có phương án thay thế, đồng thời chịu trách nhiệm trước

pháp luật về sử dụng vốn hỗ trợ của Nhà nước. UBND các xã chịu trách nhiệm quản lý kinh phí hỗ trợ của Nhà nước theo quy định;

- Căn cứ Quyết định của UBND cấp huyện, UBND cấp xã thông báo công khai danh sách, mức hỗ trợ về đất sản xuất, nước sinh hoạt và mua máy móc, nông cụ theo Quyết định 755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ năm 2015 đến thôn, bản, hộ gia đình;

- Tổ chức triển khai thực hiện Chính sách trên địa bàn xã; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để người dân tích cực tham gia hưởng ứng; người nghèo nỗ lực vươn lên; vận động các tổ chức, doanh nghiệp, nông, lâm trường đóng trên địa bàn tham gia thực hiện chính sách, giúp đỡ hộ nghèo bằng nhiều hình thức;

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát thực hiện Chính sách đảm bảo đúng mục tiêu, đúng đối tượng và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về UBND huyện.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh đề nghị các huyện báo cáo về Ban Dân tộc tỉnh (Cơ quan thường trực chính sách) để kịp thời phối hợp liên ngành tham mưu giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- Các Sở: KH&ĐT; TC, TN&MT; NN&PTNT (P/h);
- Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, huyện (P/h);
- UBND 11 huyện miền núi và 06 huyện giáp danh có xã miền núi thụ hưởng chính sách (T/h);
- Phòng Dân tộc 11 huyện miền núi (T/h);
- Lãnh đạo Ban ;
- Đăng Website Ban Dân tộc;
- Lưu: VT, CSTT



Lương Văn Tường